

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/DSPT

Ngày: 15/4/2022

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng  
đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận  
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Hoa;

*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Mạnh Hùng;  
Bà Nguyễn Phương Hạnh.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Ngọc Chuyên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp  
cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên  
tòa:*** Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội  
xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 254/2021/TLPT-DS ngày 22 tháng 10  
năm 2021, do có kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện  
kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-  
ST ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2770/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng  
4 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ông Triệu C (Triệu Văn C); Địa chỉ: Thôn P L, xã T L,  
huyện C L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

**\* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Đinh Xuân N, sinh  
năm 1959; địa chỉ: Số X đường P Đ P, phường H V T, thành phố L S, tỉnh Lạng  
Sơn. Có mặt.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:*** Bà Lương Thị  
Kim M - Luật sư thực hiện Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp  
lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

**\* Bị đơn:** Ông Nông Sỹ V, anh Nông Văn B và anh Nông Tiến C; cùng  
địa chỉ: Thôn P T, xã H T, huyện C L, tỉnh Lạng Sơn. Đều có mặt.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nông Sỹ V:*** Bà Lương  
Thị Hương L - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà  
nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Đinh Xuân N. Có mặt

- Bà Triệu Thị N1. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Số X đường P Đ P, phường H V T, thành phố L S, tỉnh Lạng Sơn.

- Anh Triệu Văn Q, bà Vi Thị M, chị Lưu Thị Th, anh Triệu Quốc V và chị Đặng Thị Ch; cùng địa chỉ: Thôn P L, xã T L, huyện C L, tỉnh Lạng Sơn.   
Đều vắng mặt

*Người đại diện theo ủy quyền của bà N1, anh Quyết, bà Minh và chị Thúy:* Ông Đinh Xuân N. Có mặt

- Bà Đinh Thị An (đã chết); người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà An:

+ Ông Nông Sỹ V. Có mặt

+ Anh Nông Văn B. Có mặt

+ Anh Nông Tiến Ch1. Có mặt

+ Chị Nông Thị Thu N2 ; địa chỉ: Thôn K T, xã H T, huyện C L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

+ Chị Nông Thị Th1; địa chỉ: Số 15, tổ 2, khối 8, thị trấn C L, huyện C L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

+ Chị Nông Thị B1; địa chỉ: Thôn K P, xã MP, thành phố L S, tỉnh Lạng Sơn;

+ Chị Nông Thị M2; địa chỉ: Thôn K N, xã Q H, huyện B G, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

*Người đại diện theo ủy quyền của chị N2, chị Th1, chị B1 và chị M2:* Ông Nông Sỹ V. Có mặt

- Chị Hoàng Thị N3 và chị Hoàng Thị V3; cùng địa chỉ: Thôn P T, xã H T, huyện C L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: Số X, ngõ Y phố P H C, phường Chi Lăng, thành phố L S, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Văn H1; địa chỉ: Thôn N N, xã H T, huyện C L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

- Ông Nông Văn Nh; địa chỉ: Thôn P T, xã H T, huyện C L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

- Ủy ban nhân dân huyện C L, tỉnh Lạng Sơn.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Lương Văn Th2 – Chức vụ: Phó phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 02 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Triệu C thông qua người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đinh Xuân N trình bày:*

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Do ông Triệu C (là bố vợ của ông Đinh Xuân N) có nhu cầu mua đất để cho con gái là vợ của ông Đinh Xuân N nên đã bảo ông Đinh Xuân N đi tìm mua đất. Quá trình đi tìm mua đất, có ông Nông Sỹ V tự chủ động gặp ông Đinh Xuân N và đưa ông N vào khu vực suối cạn chỉ cho ông N đất của ông Nông Sỹ V là toàn bộ khu Pá Chí - Rọ Soong chính là toàn bộ khu đập bây giờ. Sau đó, ông Nông Sỹ V ra giá 200.000.000đ, ông thỏa thuận là giá 170.000.000đ toàn bộ khu đất đập Pá Chí - Rọ Soong, hai bên gia đình làm giấy tờ chuyển nhượng viết tay ngày 28/02/2004 có xác nhận của trưởng thôn và UBND xã, người viết hộ giấy chuyển nhượng là ông Chu Thanh B2. Trong giấy tờ này hai bên thống nhất, diện tích cụ thể hai bên sẽ thuê đơn vị đo đạc, kinh phí đo đạc hai bên cùng chịu.

Sau khi thống nhất địa danh đất và việc mua bán (giá cả), ông Nông Sỹ V giao giấy tờ cho ông đi làm thủ tục nhưng ông không biết làm thủ tục nên ông Nông Sỹ V nói với ông là ông có người em tên là Chu Thanh B2 làm ở Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện sẽ giúp làm thủ tục chuyển nhượng. Sau đó, ông gặp ông Chu Thanh B2, ông Bằng đưa ông lên Trung tâm đo đạc (Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường) để thuê họ đo vẽ. Khi Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường xuống đo vẽ thì ông Nông Sỹ V là người đưa đi và chỉ dẫn đo đạc. Tại thời điểm đo vẽ có mặt ông Nông Sỹ V, ông, cán bộ đo vẽ và ông Chu Thanh B2.

Sau khi đo vẽ xong, chi phí đo vẽ do ông chi trả. Khi lên hình khu đất, ông Nông Sỹ V bán cho ông thì phát hiện toàn bộ khu đập Rọ Soong là do xã H T quản lý. Trước đó ông đã đưa tiền cho ông Nông Sỹ V nhiều lần với tổng số tiền là 75.200.000 đồng. Sau khi phát hiện khu đập Rọ Soong do Nhà nước quản lý, ông Nông Sỹ V và ông đã thỏa thuận lại, ông Nông Sỹ V bán cho ông toàn bộ khu đồi Pá Chí là thửa đất số 12, tờ bản đồ 48, diện tích 11.268m<sup>2</sup> và thửa đất số 296, tờ bản đồ 53, diện tích 24.101m<sup>2</sup> với giá 40.000.000đ. Sau đó hai bên làm hợp đồng (theo mẫu) tức là hợp đồng chuyển nhượng số 83 có UBND xã xác nhận ngày 04/8/2004 và làm thủ tục giấy tờ đứng tên ông Triệu C .

Quá trình sử dụng đến năm 2006, ông Nông Sỹ V và các con đến tranh chấp chặt phá các cây thông trên khu đất thuộc quyền quản lý của gia đình ông. Ông Triệu C đã có đơn yêu cầu chính quyền xã và huyện can thiệp giải quyết. UBND xã H T và UBND huyện C L giải quyết đơn của gia đình ông qua thẩm định xem xét tại chỗ đã xác định gia đình ông Nông Sỹ V tranh chấp là sai.

Trong đơn khởi kiện ban đầu và yêu cầu khởi kiện bổ sung, nguyên đơn là ông Triệu C đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Nông Sỹ V và các con là anh Nông Văn B, anh Nông Tiến Ch1 trả lại hai thửa đất mà ông Nông Sỹ V đã chuyển nhượng cho gia đình ông Triệu C vào năm 2004 mà gia đình ông Triệu C đã được UBND huyện C L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành V012176, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00488 ngày 21/9/2004 với tổng diện tích là 35.369m<sup>2</sup> (gồm thửa đất số 12, tờ bản đồ 48 diện tích 11.268 m<sup>2</sup> và thửa đất số 296 tờ bản đồ 53 diện tích 24.101m<sup>2</sup>).

2. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chấm dứt hành vi khai thác tài sản (nhựa thông) trên đất. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất yêu cầu hủy gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho ông Đinh Xuân N và bà Trần Thị Nghi, số phát hành BD 589490, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00438 ngày 27/10/2010 do UBND huyện C L cấp là thửa số 536, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất: Pá Chí, Thôn P T, xã H T, tỉnh Lạng Sơn.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho ông Nông Văn B và bà Hoàng Thị V3, số phát hành BD 589281, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00219 ngày 27/10/2010 do UBND huyện C L cấp tại thửa số 546, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất: Pá Chí, Thôn P T, xã H T, tỉnh Lạng Sơn.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho ông Nông Tiến C, số phát hành BD 589316, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00169 ngày 27/10/2010 do UBND huyện C L cấp tại thửa số 572, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất: Nà Pẻ, Thôn P T, xã H T, tỉnh Lạng Sơn.

3. Yêu cầu gia đình ông Nông Sỹ V bồi thường thiệt hại số cây thông bị chặt phá và bị khai thác nhựa là 200.000.000đ và yêu cầu ông Nông Sỹ V phải trả lại số tiền đã nhận quá hợp đồng chuyển nhượng là 35.000.000đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2020, nguyên đơn là ông Triệu C rút yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu gia đình ông Nông Sỹ V bồi thường thiệt hại số cây thông bị chặt phá và bị khai thác nhựa là 200.000.000đ và rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông Nông Sỹ V phải trả lại số tiền đã nhận quá hợp đồng chuyển nhượng là 35.000.000đ.

Quá trình hòa giải tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đinh Xuân N tiếp tục rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho ông Đinh Xuân N và bà Trần Thị N1; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho ông Nông Văn B và bà Hoàng Thị V3; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho ông Nông Tiến Ch1 do UBND

huyện C L đã có Quyết định thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Sau khi xem bản trích đo khu đất tranh chấp điều chỉnh bổ sung ngày 21/01/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô - Chi nhánh Lạng Sơn, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với phần đất có diện tích là 5.746m<sup>2</sup>, bao gồm: Diện tích đất có ký hiệu S4 (A4, A5, A6, A7, A21) có diện tích là 543m<sup>2</sup>; rút yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất có ký hiệu S5 (A7, A8, A9, A26) có diện tích là 1.519m<sup>2</sup>; rút yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất có ký hiệu S6 (A17, A18, A19, A22) có diện tích là 298m<sup>2</sup>; rút yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất có ký hiệu S7 (A15, A16, A17, A22, A23) có diện tích là 2.425m<sup>2</sup>; rút yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất có ký hiệu S8 (A11, A12, A13, A14, A15) có diện tích là 961m<sup>2</sup>.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn tiếp tục rút yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất có ký hiệu S9 (A21, A7, A26, A27) có diện tích là 1.604m<sup>2</sup>; rút yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất có ký hiệu S10 (A10, A9, A26, A28, A29, A30, A31) có diện tích là 676m<sup>2</sup> theo trích đo khu đất tranh chấp bổ sung ngày 21/4/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô - Chi nhánh Lạng Sơn. Nguyên đơn yêu cầu được quyền quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp có diện tích là 27.754m<sup>2</sup>, có các điểm mốc có ký hiệu A1, A2, A3, A4, A21, A27, A26, A28, A29, A30, A31, A10, A11, A15, A23, A22, A19, A20 theo trích đo khu đất tranh chấp bổ sung ngày 21/4/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô - Chi nhánh Lạng Sơn. Bao gồm: Diện tích đất có ký hiệu S1 (A1, A2, A3, A4, A21, A19, A20) có diện tích là 9.251m<sup>2</sup>; diện tích đất có ký hiệu S2 (A19, A21, A27, A22) có diện tích là 8.869m<sup>2</sup>; diện tích đất có ký hiệu S3 (A27, A26, A28, A29, A30, A31, A10, A11, A15, A23, A22) có diện tích là 9.634m<sup>2</sup>. Yêu cầu được sở hữu các cây thông trên diện tích 27.754m<sup>2</sup>; yêu cầu ông Nông Sỹ V và gia đình chấm dứt hành vi khai thác tài sản (nhựa thông) trên đất. Đối với các cây sưa, cây bơ, cây đào và các tài sản khác trên đất như đường bê tông, sân, nhà, bếp, chuồng gà, vườn đều là tài sản của ông N, không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nông Sỹ V trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp là ông đã được Nhà nước cấp cho 24,36ha đất rừng để quản lý, sử dụng từ năm 1993. Cuối năm 2003 ông Đinh Xuân N đến nhà ông tìm mua đất làm trang trại cá nhân, sau khi ông đưa ông N đi khảo sát toàn bộ khu đất của ông ở Rọ Song. Ông N nhất trí mua để làm trang trại cá nhân. Thỏa thuận với nhau là giá 200.000.000đ cả khu. Tổng chiều dài trên 300m, dài theo khe suối và đến tiếp giáp thác nước xã Hòa Cư. Sau khi ông và ông N thỏa thuận bằng miệng xong, ông N tiếp tục mời ông Đinh Xuân Vinh là anh trai của ông N đến làm giấy tờ viết thỏa thuận cho chắc, toàn bộ văn bản chính tay ông viết nội dung như thỏa thuận bằng miệng với nhau trước đó với ông N.

Ông bảo với ông N rằng ông có thửa đất ở Phàn Cốc Ngòa là 2,2 ha nằm phía trên đập Rọ Soong, nếu ông N muốn có đất đắp đập và làm nhà, trang trại thì ông N bảo không lấy đất vì không có người làm. Và cũng trong bản thỏa thuận trên ông có viết nếu ông N sử dụng dưới 2.000m<sup>2</sup> thì ông biểu không, không tính tiền.

Sau hai đến ba ngày ông Chu Thanh B2 đột nhiên đến nhà ông, giới thiệu với ông là “*em giới thiệu với cả nhà Ngọc là con rể ông Triệu C , ông Triệu C là bạn thân của em, bản thân Ngọc là người tốt*”. Từ đó, ông Chu Thanh B2 bảo “*em sẽ làm giấy tờ, thủ tục mua bán đất cho anh*”, ông Bằng viết đủ các loại giấy tờ, ông ký. Sau 4 ngày ông Bằng đưa xuống nhà ông 05 bản mẫu in sẵn và 03 bản xin cấp đất chuyển từ “sổ xanh” sang “sổ đỏ” chia cho các con, ông bảo không được thì ông Bằng nói anh chị không tin em thì tin ai, ông Bằng nói “*anh chỉ ký cho em trong vòng 24 tiếng em sẽ đưa lại toàn bộ hợp đồng cho ông N ký để anh có 60% tiền để làm nhà cho thằng Bao*”.

Lý do ông ký không cho ông Bằng là do ông Bằng nói với ông là ông Bằng đi theo đoàn của tỉnh cấm mốc biên giới không có thời gian và ông ký cho ông Bằng, ký xong ông Bằng đã không quay lại nhà ông.

Đầu năm 2005, ông mới hỏi ông N có mua đất hay không tiền nong như thế nào? Ông N nói với ông “*đã có sổ chính chủ đây rồi còn mua bán gì nữa, ông giới có tiền đi kiện đi*”. Sau đó, bà N1 là vợ ông N biết việc này nên bà N1 có hỏi ông tại sao ông N cãi nhau với chú, ông nói không có chuyện gì. Từ đó ông không tin, ông đi gặp ông Bằng, ông Bằng nói với ông là chưa có sổ và “*không có gì cả anh yên tâm*”. Sau đó, ông đi thăm dò biết là có sổ thật, ông đã tìm cách mời ông Bằng đến để làm biên bản làm việc vào ngày 22/01/2006. Làm xong biên bản, ông Bằng cầm mang về, ông phải đến tận Phòng Tài nguyên và Môi trường đòi ông Bằng gần 5 tháng ông Bằng mới phô tô cho ông biên bản này.

Ông Nông Sỹ V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N, anh Bao, anh Chuyên vì được cấp, tách hợp pháp, do ông kê khai và tách từ sổ bìa xanh của ông ra. Ông Nông Sỹ V cũng thừa nhận chỉ tranh chấp các cây thông, còn các cây cối khác và tài sản trên đất là của ông Đinh Xuân N, không có tranh chấp; Nay ông Nông Sỹ V yêu cầu:

- Ông Triệu C và ông Đinh Xuân N phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nông Sỹ V số tiền chưa thanh toán đủ 2,2ha là 400.000.000đ theo giá Nhà nước quy định hiện hành. Trường hợp ông Triệu C và ông Đinh Xuân N không thanh toán số tiền trên thì yêu cầu Tòa án chỉ công nhận quyền sử dụng đất cho ông Triệu C tương đương số tiền 55.200.000đ đã thanh toán.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa số 00488/QSĐĐ/QĐ-UB ngày 21/9/2004 do UBND huyện C L cấp mang tên ông Triệu C .

*Ý kiến của các bị đơn khác là anh Nông Văn B, Nông Tiến Ch1 trình bày:* Các anh được bố là ông Nông Sỹ V chia đất cho hai anh em sử dụng từ lâu và đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nông Sỹ V và ông Đinh Xuân N thì các anh không biết, không liên quan gì đến việc chuyển nhượng này, các anh chỉ được ký vào giấy chuyển nhượng ngày 28/02/2004 còn thỏa thuận cụ thể như nào các anh không biết. Nay các anh đều nhất trí với ý kiến của ông Nông Sỹ V. Riêng anh Nông Tiến Ch1 cho rằng việc tranh chấp không liên quan đến anh vì thửa đất số 572 mà anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay ông N không còn yêu cầu nữa.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn gồm ông Đinh Xuân N, bà Triệu Thị N1, anh Triệu Văn Q, bà Vi Thị M, chị Lưu Thị Th đều nhất trí với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Triệu C .

*Anh Triệu Quốc V và chị Đặng Thị Ch đều trình bày:* Việc chuyển nhượng đất giữa ông V và ông C anh, chị đều không biết; anh, chị không liên quan gì đến vụ án nên đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn gồm người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đinh Thị An (đã chết ngày 11/3/2021), chị Hoàng Thị V3 và chị Hoàng Thị N3 đều nhất trí với nội dung trình bày và yêu cầu của ông Nông Sỹ V. Sau khi bà Đinh Thị An chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng đều nhất trí với ý kiến của ông Nông Sỹ V.

*Chị Hoàng Thị V3 trình bày:* Chị là vợ của anh Nông Văn B, diện tích đất của vợ chồng là do bố mẹ chồng để lại cho vợ chồng chị, không có tranh chấp với ai cả.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan ông Nông Văn Nh trình bày:* Ông có thửa đất 134 tờ bản đồ số 47 bản đồ lâm nghiệp xã H T giáp với thửa đất đang tranh chấp giữa ông Nông Sỹ V và ông Triệu C , đất của gia đình ông và đất của ông Nông Sỹ V đã được hai bên xác định ranh giới bằng hàng cây xa mộc, phần diện 2.425m<sup>2</sup> nằm trong diện tích đất tranh chấp ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vì đã được xác định ranh giới rõ ràng, ông đề nghị không đưa ông vào tham gia tố tụng.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày:* Do diện tích đất tranh chấp mà nguyên đơn hiện nay yêu cầu không còn nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông, do đó ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan ông Hoàng Văn Hồ mặc dù Tòa án đã triệu tập nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến.*

*Tại văn bản số 1395/UBND-TNMT ngày 19 tháng 6 năm 2020, Bản tự khai ngày 11/01/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ủy ban nhân dân huyện C L trình bày:*

Ông Nông Sỹ V chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Triệu C theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 83/CN, được UBND xã Hợp Thành xác nhận ngày 04/8/2004. Theo Hợp đồng chuyển nhượng thì diện tích đất chuyển nhượng là 35.369m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 48 (tách từ thửa 04) và thửa đất số 296, tờ bản đồ số 53 (tách từ thửa 71), bản đồ địa chính xã H T đo vẽ năm 1998. Ngày 21/9/2004, UBND huyện C L ban hành Quyết định số 635/QĐ-UB về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00488 QSDĐ/635/QĐ-UB cho hộ ông Triệu C với tổng diện tích 35.369m<sup>2</sup> gồm 02 thửa đất: thửa số 12, diện tích 11.268m<sup>2</sup>, loại đất RTS và thửa số 296, diện tích 24.101m<sup>2</sup>, loại đất RTS.

Tuy nhiên, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 83/CN giữa ông Nông Sỹ V và ông Triệu C không ghi ngày, tháng, năm lập hợp đồng; phần xác nhận của UBND huyện không ghi ngày, tháng, năm. Hợp đồng, Biên bản thẩm định, Tờ trình của Phòng Tài nguyên và Môi trường đều thể hiện Giấy chứng nhận của ông V có số vào sổ là 00450; tuy nhiên kiểm tra Sổ cấp Giấy chứng nhận lưu tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C L thì số vào sổ 00450 là của hộ ông Nông Mạnh Hà, trú tại tổ 3, phường Vĩnh Trại, thành phố L S (thửa số 16, tờ số 58, diện tích 194,7m<sup>2</sup> theo Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 13/5/2003 của UBND huyện) trong khi số vào sổ của hộ ông Nông Sỹ V là 00480.

Kết quả xem xét việc chỉnh lý biến động tại trang 4 Giấy CNQSD đất của hộ ông V cho thấy, nội dung thay đổi ngày 21/9/2004 ghi: “*Đã chuyển nhượng QSD đất cho hộ ông Triệu C 35.369m<sup>2</sup> theo Quyết định số 635 ngày 21/9/2004 thửa số 4 đã chuyển hết diện tích 23.621,9m<sup>2</sup>, thửa số 71 là 11.747,1m<sup>2</sup>*” là không đúng với các tài liệu trong hồ sơ chuyển nhượng, cụ thể: diện tích chuyển nhượng của thửa số 04 chỉ là 11.268m<sup>2</sup> (không phải 23.621,9m<sup>2</sup> như chỉnh lý), diện tích chuyển nhượng của thửa số 71 là 24.101m<sup>2</sup> (không phải 11.747,1m<sup>2</sup> như chỉnh lý); việc UBND huyện C L chỉnh lý biến động tại trang 4 là không đúng thẩm quyền quy định tại Điểm b Mục 6 Chương 1 Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC (việc chỉnh lý thuộc thẩm quyền của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện).

Như vậy, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông V với ông C; việc chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông V sau khi chuyển nhượng chưa đảm bảo quy định tại Nghị định số 17/1999/NĐ-CP và Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC (ghi sai số Giấy CNQSD đất trong các tài liệu của hồ sơ; chỉnh lý biến động không đúng diện tích, thẩm quyền). Tuy nhiên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00488 QSDĐ/635/QĐ-UB do UBND huyện C L cấp ngày 21/9/2004 cho hộ ông Triệu C không thuộc trường hợp thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai 2013 và khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông

C thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 6 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. Do đó, việc ông Nông Sỹ V yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00488 không thuộc thẩm quyền của UBND huyện Cao Lộc.

Thực hiện các biện pháp xử lý trong Kết luận thanh tra số 22/KL-UBND ngày 31/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện C L, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã có Báo cáo số 1651/BC-TNMT ngày 04/12/2020 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo nội dung Kết luận thanh tra số 22/KL-UBND ngày 31/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện C L. UBND huyện C L đã thực hiện thu hồi 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất như sau:

- Quyết định số 4308/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 về việc thu hồi Giấy chứng nhận số 00480 QSDĐ/358/QĐ-UB đã cấp cho hộ ông Nông Sỹ V (đối với diện tích còn lại sau khi đã chuyển nhượng cho ông Triệu C );

- Quyết định số 4306/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00219 và CH00220 đã cấp cho hộ ông Nông Văn B và bà Hoàng Thị V3;

- Quyết định số 4305/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00169 đã cấp cho ông Nông Tiến C;

- Quyết định số 4307/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00438 đã cấp cho hộ ông Đinh Xuân N và bà Trần Thị N1.

Đến nay, các Giấy chứng nhận số 00480 QSDĐ/358/QĐUB đã cấp cho hộ ông Nông Sỹ V (đối với diện tích còn lại sau khi đã chuyển nhượng cho ông Triệu C ); 02 Giấy chứng nhận số CH 00219 và CH00220 đã cấp cho hộ ông Nông Văn B và bà Hoàng Thị V3; Giấy chứng nhận số CH00169 đã cấp cho ông Nông Tiến Ch1 và Giấy chứng nhận số CH00438 đã cấp cho hộ ông Đinh Xuân N và bà Trần Thị N1 không còn giá trị pháp lý.

*Người làm chứng ông Chu Thanh B2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày sự việc.*

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện: Diện tích đất tranh chấp theo kết quả xem xét, thẩm định là 35.780m<sup>2</sup> tại Thôn P T, xã H T, huyện C L, tỉnh Lạng Sơn, theo nguyên đơn thuộc địa danh đồi Pá Chí, còn theo bị đơn Nông Sỹ V xác định địa danh là Pàn Cốc Ngò. Theo bản đồ địa chính lập năm 1998 thì diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 48 và một phần thửa đất số 71, tờ bản đồ số 53; theo bản đồ địa chính lập năm 2008 thì diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất 546, 572 và 536 tờ bản đồ số 01. Vị trí, các hướng tiếp giáp được thể hiện cụ thể trên Mạnh trích đo khu

đất tranh chấp ngày 15/8/2020 do Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô - Chi nhánh Lạng Sơn đo đạc. Trên diện tích đất tranh chấp có các cây thông, cây sưa, cây bơ, cây đào và các tài sản khác như đường bê tông, sân, nhà, bếp, chuồng gà, vườn được thể hiện cụ thể trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/7/2020. Các cây sưa, cây bơ, cây đào và tài sản nêu trên các bên đương sự đều thừa nhận thuộc quyền sở hữu của ông Đinh Xuân N, không có tranh chấp. Các bên chỉ tranh chấp về các cây thông trên diện tích đất tranh chấp.

Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ: khoản 2 Điều 5; Điều 34; Khoản 1, 5 Điều 157; Điều 160, Khoản 1, 5 Điều 165; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 2 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 164 và Điều 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 101, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 1 Điều 26, Điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Triệu C (tên gọi khác: Triệu Văn C):

1.1. Về quyền sử dụng đất: Hộ ông Triệu C (tên gọi khác: Triệu Văn C) được quyền quản lý, sử dụng diện tích 27.754m<sup>2</sup> đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00488/QSDĐ/635/QĐ-UB ngày 21/9/2004 do Ủy ban nhân dân huyện C L cấp mang tên ông Triệu C , thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 48 (*đã được trích đo thành thửa số 12 khi xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 03/8/2004*) và một phần thửa đất số 71, tờ bản đồ số 53 (*đã được trích đo thành thửa số 296 khi xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 03/8/2004*) bản đồ địa chính xã H T, huyện C L, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 1998; địa chỉ thửa đất: Thôn P T, xã H T, huyện C L, tỉnh Lạng Sơn.

Trong đó diện tích đất thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 48 (*đã được trích đo thành thửa số 12 khi xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 03/8/2004*) có diện tích là 9.251m<sup>2</sup>, có ký hiệu S1 nối từ các đỉnh (A1, A2, A3, A4, A21, A19, A20); diện tích đất thuộc một phần thửa đất số 71, tờ bản đồ số 53 (*đã được trích đo thành thửa số 296 khi xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 03/8/2004*) bao gồm diện tích đất có ký hiệu S2 (A19, A21, A27, A22) có diện tích là 8.869m<sup>2</sup> và diện tích đất có ký hiệu S3 (A27, A26, A28, A29, A30, A31, A10, A11, A15, A23, A22) có diện tích là 9.634m<sup>2</sup>.

Vị trí, diện tích đất có ký hiệu S1, S2 và S3 được thể hiện trích đo khu đất tranh chấp bổ sung ngày 21/4/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô - Chi nhánh Lạng Sơn (Có trích đo khu đất tranh chấp bổ sung ngày 21/4/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô -

Chi nhánh Lạng Sơn kèm theo Bản án).

1.2. Ông Triệu C được quyền sở hữu 1.665 cây thông có đường kính gốc từ 15cm đến 18cm trên diện tích đất 27.754m<sup>2</sup> nêu trên.

1.3. Buộc ông Nông Sỹ V, anh Nông Văn B và anh Nông Tiến Ch1 cùng gia đình chấm dứt hành vi khai thác tài sản (nhựa thông) trên diện tích đất 27.754m<sup>2</sup> nêu trên.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu gia đình ông Nông Sỹ V bồi thường thiệt hại số cây thông bị chặt phá và bị khai thác nhựa là 200.000.000đ và yêu cầu ông Nông Sỹ V phải trả lại số tiền đã nhận quá hợp đồng chuyển nhượng là 35.000.000đ.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần đất có diện tích là 8.026m<sup>2</sup>, bao gồm: Diện tích đất có ký hiệu S4 (A4, A5, A6, A7, A21) có diện tích là 543m<sup>2</sup>; phần diện tích đất có ký hiệu S5 (A7, A8, A9, A26) có diện tích là 1.519m<sup>2</sup>; phần diện tích đất có ký hiệu S6 (A17, A18, A19, A22) có diện tích là 298m<sup>2</sup>; phần diện tích đất có ký hiệu S7 (A15, A16, A17, A22, A23) có diện tích là 2.425m<sup>2</sup>; phần diện tích đất có ký hiệu S8 (A11, A12, A13, A14, A15) có diện tích là 961m<sup>2</sup>; phần diện tích đất có ký hiệu S9 (A21, A7, A26, A27) có diện tích là 1.604m<sup>2</sup>; và phần diện tích đất có ký hiệu S10 (A10, A9, A26, A28, A29, A30, A31) có diện tích là 676m<sup>2</sup> (theo trích đo khu đất tranh chấp bổ sung ngày 21/4/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô - Chi nhánh Lạng Sơn).

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau đây:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho ông Đinh Xuân N và bà Trần Thị N1, số phát hành BD 589490, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00438 ngày 27/10/2010 do Ủy ban nhân dân huyện C L cấp tại thửa số 536, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất: Pá Chí, Thôn P T, xã H T, tỉnh Lạng Sơn;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho Nông Văn B và bà Hoàng Thị V3, số phát hành BD 589281, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00219 ngày 27/10/2010 do Ủy ban nhân dân huyện C L cấp tại thửa số 546, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất: Pá Chí, Thôn P T, xã H T, tỉnh Lạng Sơn;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho Nông Tiến C, số phát hành BD 589316, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00169 ngày 27/10/2010 do Ủy ban nhân dân huyện C L cấp tại thửa số 572, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất: Nà Pẻ, Thôn P T, xã H T, tỉnh Lạng Sơn.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Nông Sỹ V yêu cầu ông Triệu C và ông Đinh Xuân N phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nông Sỹ

V số tiền chưa thanh toán đủ 2,2ha là 400.000.000đ. Trường hợp ông Triệu C và ông Đinh Xuân N không thanh toán số tiền trên thì yêu cầu Tòa án chỉ công nhận quyền sử dụng đất cho ông Triệu C tương đương số tiền 55.200.000đ đã thanh toán.

6. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn Nông Sỹ V yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00488/QSDĐ/QĐ-UB ngày 21/9/2004 do Ủy ban nhân dân huyện C L cấp mang tên ông Triệu C .

7. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 18.000.000đ + 6.050.000đ = 24.050.000đ, số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng. Ông Triệu C phải chịu 5.395.000đ, ông Nông Sỹ V và anh Nông Văn B phải liên đới chịu 18.655.000đ. Xác nhận ông Triệu C đã nộp đủ số tiền 5.395.000đ (*Năm triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng*); Buộc ông Nông Sỹ V và anh Nông Văn B phải liên đới hoàn trả số tiền 18.655.000đ cho ông Triệu C .

Về chi phí giám định: Nguyên đơn ông Triệu C tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định với số tiền 5.000.000đ. Xác nhận ông Triệu C đã nộp đủ các chi phí giám định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm trong trường hợp chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 26/5/2021, bị đơn trong vụ án là ông Nông Sỹ V và anh Nông Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 27/5/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định kháng nghị số 20/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 12/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng hủy Bản án sơ thẩm.

**Tại phiên tòa phúc thẩm**, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Đinh Xuân N cùng với bị đơn là ông Nông Sỹ V, anh Nông Văn B và anh Nông Tiến Ch1 đã tiến hành thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nội dung thỏa thuận như sau:

**Thứ nhất**, ông Nông Sỹ V, anh Nông Văn B và anh Nông Tiến Ch1 đồng ý để ông Triệu C (tên gọi khác: Triệu Văn C) được quyền sử dụng diện tích 27.754m<sup>2</sup> đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00488/QSDĐ/635/QĐ-UB ngày 21/9/2004 do Ủy ban nhân dân huyện C L cấp mang tên ông Triệu C , thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 48 (*đã được trích đo thành thửa số 12 khi xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 03/8/2004*) và một phần thửa đất số 71, tờ bản đồ số 53 (*đã được trích đo thành thửa số 296 khi xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 03/8/2004*) bản đồ địa chính xã H T, huyện C L, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 1998; địa chỉ thửa đất: Thôn P T, xã H T, huyện C L, tỉnh Lạng Sơn. Trong đó: diện tích đất thuộc một

phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 48 (đã được trích đo thành thửa số 12 khi xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 03/8/2004) có diện tích là 9.251m<sup>2</sup>, có ký hiệu S1 nối từ các đỉnh (A1, A2, A3, A4, A21, A19, A20); diện tích đất thuộc một phần thửa đất số 71, tờ bản đồ số 53 (đã được trích đo thành thửa số 296 khi xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 03/8/2004) bao gồm diện tích đất có ký hiệu S2 (A19, A21, A27, A22) có diện tích là 8.869m<sup>2</sup> và diện tích đất có ký hiệu S3 (A27, A26, A28, A29, A30, A31, A10, A11, A15, A23, A22) có diện tích là 9.634m<sup>2</sup> theo trích đo khu đất tranh chấp bổ sung ngày 21/4/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô - Chi nhánh Lạng Sơn.

Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉnh lý biên động đất đai đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00488/QSĐĐ/QĐ-UB ngày 21/9/2004 do Ủy ban nhân dân huyện C L cấp mang tên ông Triệu C theo đúng thỏa thuận của các đương sự về diện tích, vị trí đất như trên.

**Thứ hai**, ông Nông Sỹ V, anh Nông Văn B và anh Nông Tiến Ch1 đồng ý để ông Triệu C được quyền sở hữu 1.665 cây thông có đường kính gốc từ 15cm đến 18cm trên diện tích đất 27.754m<sup>2</sup> nêu trên. Ngoài ra, ông Nông Sỹ V, anh Nông Văn B và anh Nông Tiến Ch1 cùng gia đình đồng ý chấm dứt hành vi khai thác tài sản (nhựa thông) trên diện tích đất 27.754m<sup>2</sup> nêu trên.

**Thứ ba**, nguyên đơn đồng ý chịu toàn bộ chi phí tố tụng, ông Nông Sỹ V và anh Nông Văn B không phải liên đới chịu 18.655.000đ tiền chi phí tố tụng. Ông Đinh Xuân N tự nguyện nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà anh Nông Văn B phải chịu. Ông Đinh Xuân N tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn 200.000.000 đồng và tại phiên tòa phúc thẩm ông N đã giao đủ số tiền 200.000.000 đồng cho ông Nông Sỹ V.

**Thứ tư**, ông Đinh Xuân N, ông Nông Sỹ V, anh Nông Văn B và anh Nông Tiến Ch1 đều đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu gia đình ông Nông Sỹ V bồi thường thiệt hại số cây thông bị chặt phá và bị khai thác nhựa là 200.000.000đ và yêu cầu ông Nông Sỹ V phải trả lại số tiền đã nhận quá hợp đồng chuyển nhượng là 35.000.000đ.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần đất có diện tích là 8.026m<sup>2</sup>, bao gồm: Diện tích đất có ký hiệu S4 (A4, A5, A6, A7, A21) có diện tích là 543m<sup>2</sup>; phần diện tích đất có ký hiệu S5 (A7, A8, A9, A26) có diện tích là 1.519m<sup>2</sup>; phần diện tích đất có ký hiệu S6 (A17, A18, A19, A22) có diện tích là 298m<sup>2</sup>; phần diện tích đất có ký hiệu S7 (A15, A16, A17, A22, A23) có diện tích là 2.425m<sup>2</sup>; phần diện tích đất có ký hiệu S8 (A11, A12, A13, A14, A15) có diện tích là 961m<sup>2</sup>; phần diện tích đất có ký hiệu S9 (A21, A7, A26, A27) có diện tích là 1.604m<sup>2</sup>; và phần diện tích đất có ký hiệu S10 (A10, A9, A26, A28, A29, A30, A31) có diện tích là 676m<sup>2</sup> (theo trích đo khu đất

*tranh chấp bổ sung ngày 21/4/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô - Chi nhánh Lạng Sơn).*

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho ông Đình Xuân N và bà Trần Thị N1, số phát hành BD 589490, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00438 ngày 27/10/2010 do Ủy ban nhân dân huyện C L cấp tại thửa số 536, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất: Pá Chí, Thôn P T, xã H T, tỉnh Lạng Sơn;

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho Nông Văn B và bà Hoàng Thị V3, số phát hành BD 589281, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00219 ngày 27/10/2010 do Ủy ban nhân dân huyện C L cấp tại thửa số 546, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất: Pá Chí, Thôn P T, xã H T, tỉnh Lạng Sơn;

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho Nông Tiến C, số phát hành BD 589316, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00169 ngày 27/10/2010 do Ủy ban nhân dân huyện C L cấp tại thửa số 572, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất: Nà Pẻ, Thôn P T, xã H T, tỉnh Lạng Sơn.

Ngoài ra, ông Đình Xuân N, ông Nông Sỹ V, anh Nông Văn B và anh Nông Tiến Ch1 không còn yêu cầu gì khác.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*  
Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án. Việc các đương sự thỏa thuận với nhau là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên Quyết định kháng nghị là không cần thiết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, sau khi tranh tụng trên cơ sở lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm có nhận định sau:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất, các đương sự có yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện C L cấp nên Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 34, khoản 1 Điều 41 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Kháng cáo của ông Nông Sỹ V, anh Nông Văn B và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn trong hạn luật định được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho

nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, các đương sự đều đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần, phiên tòa hôm nay được đưa ra xét xử là lần thứ tư. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[4] Xét kháng cáo của ông Nông Sỹ V, anh Nông Văn B và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Đinh Xuân N cùng với bị đơn là ông Nông Sỹ V, anh Nông Văn B và anh Nông Tiến Ch1 đã tiến hành thỏa thuận với nhau giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

[6] **Thứ nhất**, ông Nông Sỹ V, anh Nông Văn B và anh Nông Tiến Ch1 đồng ý để ông Triệu C (tên gọi khác: Triệu Văn C) được quyền sử dụng diện tích 27.754m<sup>2</sup> đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00488/QSĐĐ/635/QĐ-UB ngày 21/9/2004 do Ủy ban nhân dân huyện C L cấp mang tên ông Triệu C, thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 48 (*đã được trích đo thành thửa số 12 khi xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 03/8/2004*) và một phần thửa đất số 71, tờ bản đồ số 53 (*đã được trích đo thành thửa số 296 khi xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 03/8/2004*) bản đồ địa chính xã H T, huyện C L, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 1998; địa chỉ thửa đất: Thôn P T, xã H T, huyện C L, tỉnh Lạng Sơn. Trong đó: diện tích đất thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 48 (*đã được trích đo thành thửa số 12 khi xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 03/8/2004*) có diện tích là 9.251m<sup>2</sup>, có ký hiệu S1 nối từ các đỉnh (A1, A2, A3, A4, A21, A19, A20); diện tích đất thuộc một phần thửa đất số 71, tờ bản đồ số 53 (*đã được trích đo thành thửa số 296 khi xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 03/8/2004*) bao gồm diện tích đất có ký hiệu S2 (A19, A21, A27, A22) có diện tích là 8.869m<sup>2</sup> và diện tích đất có ký hiệu S3 (A27, A26, A28, A29, A30, A31, A10, A11, A15, A23, A22) có diện tích là 9.634m<sup>2</sup> theo trích đo khu đất tranh chấp bổ sung ngày 21/4/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô - Chi nhánh Lạng Sơn.

[7] Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉnh lý biến động đất đai đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00488/QSĐĐ/QĐ-UB ngày 21/9/2004 do Ủy ban nhân dân huyện C L cấp mang tên ông Triệu C theo đúng thỏa thuận của các đương sự về diện tích, vị trí đất như trên.

[8] **Thứ hai**, ông Nông Sỹ V, anh Nông Văn B và anh Nông Tiến Ch1 đồng ý để ông Triệu C được quyền sở hữu 1.665 cây thông có đường kính gốc từ 15cm đến 18cm trên diện tích đất 27.754m<sup>2</sup> nêu trên. Ngoài ra, ông Nông Sỹ V, anh Nông Văn B và anh Nông Tiến Ch1 cùng gia đình đồng ý chấm dứt hành

vi khai thác tài sản (nhựa thông) trên diện tích đất 27.754m<sup>2</sup> nêu trên.

[9] **Thứ ba**, nguyên đơn đồng ý chịu toàn bộ chi phí tố tụng, ông Nông Sỹ V và anh Nông Văn B không phải liên đới chịu 18.655.000đ tiền chi phí tố tụng. Ông Đinh Xuân N tự nguyện nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà anh Nông Văn B phải chịu. Ông Đinh Xuân N tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn 200.000.000 đồng và tại phiên tòa phúc thẩm, ông N đã giao đủ số tiền 200.000.000 đồng cho ông Nông Sỹ V.

[10] **Thứ tư**, ông Đinh Xuân N, ông Nông Sỹ V, anh Nông Văn B và anh Nông Tiến Ch1 đều đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

[11] - Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu gia đình ông Nông Sỹ V bồi thường thiệt hại số cây thông bị chặt phá và bị khai thác nhựa là 200.000.000đ và yêu cầu ông Nông Sỹ V phải trả lại số tiền đã nhận quá hợp đồng chuyển nhượng là 35.000.000đ.

[12] - Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần đất có diện tích là 8.026m<sup>2</sup>, bao gồm: Diện tích đất có ký hiệu S4 (A4, A5, A6, A7, A21) có diện tích là 543m<sup>2</sup>; phần diện tích đất có ký hiệu S5 (A7, A8, A9, A26) có diện tích là 1.519m<sup>2</sup>; phần diện tích đất có ký hiệu S6 (A17, A18, A19, A22) có diện tích là 298m<sup>2</sup>; phần diện tích đất có ký hiệu S7 (A15, A16, A17, A22, A23) có diện tích là 2.425m<sup>2</sup>; phần diện tích đất có ký hiệu S8 (A11, A12, A13, A14, A15) có diện tích là 961m<sup>2</sup>; phần diện tích đất có ký hiệu S9 (A21, A7, A26, A27) có diện tích là 1.604m<sup>2</sup>; và phần diện tích đất có ký hiệu S10 (A10, A9, A26, A28, A29, A30, A31) có diện tích là 676m<sup>2</sup> (theo trích đo khu đất tranh chấp bổ sung ngày 21/4/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô - Chi nhánh Lạng Sơn).

[13] - Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho ông Đinh Xuân N và bà Trần Thị N1, số phát hành BD 589490, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00438 ngày 27/10/2010 do Ủy ban nhân dân huyện C L cấp tại thửa số 536, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất: Pá Chí, Thôn P T, xã H T, tỉnh Lạng Sơn;

[14] - Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho Nông Văn B và bà Hoàng Thị V3, số phát hành BD 589281, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00219 ngày 27/10/2010 do Ủy ban nhân dân huyện C L cấp tại thửa số 546, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất: Pá Chí, Thôn P T, xã H T, tỉnh Lạng Sơn;

[15] - Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho Nông Tiến C, số phát hành BD 589316, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00169 ngày 27/10/2010 do Ủy ban nhân dân huyện C L cấp tại thửa số 572, tờ bản đồ

số 1, địa chỉ thửa đất: Nà Pẻ, Thôn P T, xã H T, tỉnh Lạng Sơn.

[16] Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án. Việc các đương sự thỏa thuận với nhau là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có cơ sở, nhưng không còn cần thiết vì các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

[17]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Nông Sỹ V là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm; Anh Nông Văn B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Công nhận sự thỏa thuận của ông Đinh Xuân N với các bị đơn là ông Nông Sỹ V, anh Nông Văn B và anh Nông Tiến C; sửa Bản án sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 12/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, như sau:

1. Ông Triệu C (tên gọi khác: Triệu Văn C) được quyền sử dụng diện tích 27.754m<sup>2</sup> đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00488/QSĐĐ/635/QĐ-UB ngày 21/9/2004 do Ủy ban nhân dân huyện C L cấp mang tên ông Triệu C, thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 48 (*đã được trích đo thành thửa số 12 khi xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 03/8/2004*) và một phần thửa đất số 71, tờ bản đồ số 53 (*đã được trích đo thành thửa số 296 khi xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 03/8/2004*) bản đồ địa chính xã H T, huyện C L, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 1998; địa chỉ thửa đất: Thôn P T, xã H T, huyện C L, tỉnh Lạng Sơn. Trong đó: diện tích đất thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 48 (*đã được trích đo thành thửa số 12 khi xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 03/8/2004*) có diện tích là 9.251m<sup>2</sup>, có ký hiệu S1 nối từ các đỉnh (A1, A2, A3, A4, A21, A19, A20); diện tích đất thuộc một phần thửa đất số 71, tờ bản đồ số 53 (*đã được trích đo thành thửa số 296 khi xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 03/8/2004*) bao gồm diện tích đất có ký hiệu S2 (A19, A21, A27, A22) có diện tích là 8.869m<sup>2</sup> và diện tích đất có

ký hiệu S3 (A27, A26, A28, A29, A30, A31, A10, A11, A15, A23, A22) có diện tích là 9.634m<sup>2</sup> theo trích đo khu đất tranh chấp bổ sung ngày 21/4/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô - Chi nhánh Lạng Sơn.

*(Kèm theo bản án là trích đo khu đất tranh chấp bổ sung ngày 21/4/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô - Chi nhánh Lạng Sơn)*

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền chính lý biến động đất đai đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00488/QSĐĐ/635/QĐ-UB ngày 21/9/2004 do Ủy ban nhân dân huyện C L cấp mang tên ông Triệu C theo đúng thỏa thuận của các đương sự về diện tích, vị trí đất như trên.

2. Ông Triệu C được quyền sở hữu 1.665 cây thông có đường kính gốc từ 15cm đến 18cm trên diện tích đất 27.754m<sup>2</sup> nêu tại mục 1.

3. Ông Nông Sỹ V, anh Nông Văn B và anh Nông Tiến Ch1 cùng gia đình đồng ý chấm dứt hành vi khai thác tài sản (nhựa thông) trên diện tích đất 27.754m<sup>2</sup> nêu tại mục 1.

4. Ghi nhận ông Đinh Xuân N tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và ông N đã giao đủ 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) cho ông Nông Sỹ V tại phiên tòa phúc thẩm.

5. Ông Đinh Xuân N, ông Nông Sỹ V, anh Nông Văn B và anh Nông Tiến Ch1 đều đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu gia đình ông Nông Sỹ V bồi thường thiệt hại số cây thông bị chặt phá và bị khai thác nhựa là 200.000.000đ và yêu cầu ông Nông Sỹ V phải trả lại số tiền đã nhận quá hợp đồng chuyển nhượng là 35.000.000đ.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần đất có diện tích là 8.026m<sup>2</sup>, bao gồm: Diện tích đất có ký hiệu S4 (A4, A5, A6, A7, A21) có diện tích là 543m<sup>2</sup>; phần diện tích đất có ký hiệu S5 (A7, A8, A9, A26) có diện tích là 1.519m<sup>2</sup>; phần diện tích đất có ký hiệu S6 (A17, A18, A19, A22) có diện tích là 298m<sup>2</sup>; phần diện tích đất có ký hiệu S7 (A15, A16, A17, A22, A23) có diện tích là 2.425m<sup>2</sup>; phần diện tích đất có ký hiệu S8 (A11, A12, A13, A14, A15) có diện tích là 961m<sup>2</sup>; phần diện tích đất có ký hiệu S9 (A21, A7, A26, A27) có diện tích là 1.604m<sup>2</sup>; và phần diện tích đất có ký hiệu S10 (A10, A9, A26, A28, A29, A30, A31) có diện tích là 676m<sup>2</sup> *(theo trích đo khu đất tranh chấp bổ sung ngày 21/4/2021 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô - Chi nhánh Lạng Sơn)*.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho ông Đinh Xuân N và bà Trần Thị N1, số phát hành BD 589490, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00438 ngày 27/10/2010 do Ủy ban nhân dân huyện C L cấp tại thửa số

536, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất: Pá Chí, Thôn P T, xã H T, tỉnh Lạng Sơn;

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho Nông Văn B và bà Hoàng Thị V3, số phát hành BD 589281, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00219 ngày 27/10/2010 do Ủy ban nhân dân huyện C L cấp tại thửa số 546, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất: Pá Chí, Thôn P T, xã H T, tỉnh Lạng Sơn;

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho Nông Tiến C, số phát hành BD 589316, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00169 ngày 27/10/2010 do Ủy ban nhân dân huyện C L cấp tại thửa số 572, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất: Nà Pẻ, Thôn P T, xã H T, tỉnh Lạng Sơn.

#### 6. Về chi phí tố tụng:

Ông Triệu C chịu chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 24.050.000đ (*Hai mươi bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*). Xác nhận ông Triệu C đã nộp đủ số tiền 24.050.000đ (*Hai mươi bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ghi nhận việc ông Triệu C tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định với số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Xác nhận ông Triệu C đã nộp đủ các chi phí giám định 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Ông Nông Sỹ V và anh Nông Văn B không phải chịu chi phí tố tụng khác.

#### 7. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Triệu C.

- Ông Đinh Xuân N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nông Sỹ V.

- Anh Nông Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nông Văn B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm, được đối trừ với số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai số 0000284 ngày 28/5/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Ngọc Hoa**

